

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *am, ăm, âm*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *am, ăm, âm*; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng vần *am, ăm, âm*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *am, ăm, âm*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *am, ăm, âm* có trong bài học.
- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm *Môi trường sống của loài vật* (được gợi ý trong tranh). Nói về các loài vật, về môi trường sống của mỗi loài. Kể về một con vật được nuôi ở gia đình em hay nhà hàng xóm.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống qua hiểu biết về loài vật.

II CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo và cách viết các vần *am, ăm, âm*.
- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học như: *sâm, râm ran*,...
 - + *Sâm*: một loại cây có củ và rễ dùng làm thuốc bổ.
 - + *Râm ran*: (âm thanh) hoà vào nhau rộn rã liên tiếp, thành từng đợt.
- Với địa phương Nam Bộ, chú ý lỗi chính tả (lẫn lộn *âm/ ăm*) do phát âm phương ngữ.
- Hiểu biết về môi trường sống của mỗi loài vật: chim sống trên trời, cá tôm sống dưới nước, các loài thú sống trên mặt đất (có thể sống trong rừng: voi, gấu, khỉ, sóc, hươu, nai,...; có thể nuôi ở nhà: chó, mèo, trâu, bò, lợn, dê,...)
- Nhận diện rõ ràng về chim, thú,... để có thể đưa dẫn chứng một cách sát thực, chính xác.

1. Ôn và khởi động

Ôn lại những vần vừa học trong bài trước (*en, ên, in, un*) và tạo tâm thế cho giờ học (Gợi ý: HS thi tìm tiếng/ từ có vần *en, ên, in, un*).

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời. GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh. (Gợi ý: Có một chú nhện. Chú nhện chăm chú nhìn tấm lưới do mình dệt ra. Tấm lưới rất đẹp,...)
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Nhện ngắm nhện/ tấm lưới vừa làm xong.*
- GV giới thiệu các vần mới *am, âm, âm*. Viết tên bài lên bảng.

3. Đọc**a. Đọc vần**

- So sánh các vần
 - + GV giới thiệu vần *am, âm, âm*.
 - + Một số (2 – 3) HS so sánh vần *âm, âm* với *am* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần
 - + GV đánh vần mẫu các vần *am, âm, âm*.
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.
 - + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.
- Đọc trơn các vần
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
 - + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *am*.
 - + HS tháo chữ *a*, ghép *ă* vào để tạo thành *âm*.
 - + HS tháo chữ *ă*, ghép *â* vào để tạo thành *âm*.
- Lớp đọc đồng thanh *am, âm, âm* một số lần.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng *làm*.

- + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *làm* (*lờ – am – lam – huyền – làm*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *làm*.
- + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *làm*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *làm*.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.
 - + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.
 - + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *am*, *ăm* hoặc *âm*. GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
 - + Lớp đọc đồng thanh những tiếng mới ghép được.
- c. Đọc từ ngữ**
 - GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *quả cam, tâm tre, củ sâm*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *quả cam*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *quả cam* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *am* trong *quả cam*, phân tích và đánh vần tiếng *cam*, đọc trơn từ ngữ *quả cam*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *tâm tre, củ sâm*.
 - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *am*, *ăm*, *âm*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần *am*, *ăm*, *âm*.
- HS viết 3 vần *am*, *ăm*, *âm* và *cam*, *tâm*, *sâm* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần *ăm* và *âm* vì trong các vần này đã có *am*. Chú ý liên kết giữa nét móc trong chữ *a*, *ă*, *â* với nét móc trong chữ *m*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *am*, *ăm*, *âm*; từ ngữ *tâm tre, củ sâm*.

- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.

6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *am, âm, âm*.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *am, âm, âm* trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc: *Âm thanh nào báo hiệu mùa hè đã đến? Hoa sen nở vào mùa nào? Trên thảm cỏ ven hồ, lũ trẻ làm gì?...* Một số (2 – 3) HS trả lời. (Gợi ý: Tiếng ve râm râm báo hiệu mùa hè đến. Hoa sen nở vào mùa hè. Trên thảm cỏ ven hồ, lũ trẻ đang nô đùa,...)
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: *Tranh vẽ cảnh ở đâu? Em nhìn thấy các con vật nào trong tranh? Mỗi con vật đang làm gì? Đâu là nơi sinh sống của từng loài vật? Kể tên các loài vật khác và nơi sinh sống của chúng mà em biết.*
- Một số (2 – 3) HS trả lời những câu hỏi trên. (Gợi ý: Tranh vẽ cảnh ở một khu rừng, có suối chảy, phía trên là thác. Trong tranh, có hai chú nai (đang cúi xuống uống nước), chú hươu đang đứng bên bờ suối, có cá đang bơi, có vài con chim đang bay. Nai sống trong rừng. Cá sống dưới nước. Chim sống trên trời. Các loài vật khác: hươu, khỉ, vượn, gấu, voi, hổ,... sống trong rừng. Chó, mèo, dê, lợn,... nuôi trong nhà. Tôm, cua, ốc,... sống dưới nước,...)
- HS chia nhóm: kể tên các con vật được nuôi trong nhà và giới thiệu với các bạn về một con vật trong số đó.
- GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức giữ gìn môi trường sống cho động vật.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ có những vần *am, âm, âm* và đặt câu với từ ngữ tìm được. (HS có thể tham gia trò chơi để ôn lại các vần.)
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.